

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS - ST

Ngày: 27- 02- 2018

V/v “Tranh chấp Hợp đồng về giao nhận
thầu xây lắp”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đồng Tịnh.
2. Ông Nguyễn Kim Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà- Thư ký Tòa án của TAND Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN SƠN TRÀ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2017/TLST- KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng về giao nhận thầu xây lắp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty P. Địa chỉ trụ sở: 58 Nguyễn C, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đình H, Chức vụ: giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thu H, Chức vụ: Phó giám đốc theo Giấy ủy quyền số: 07/GUQ- CTY ngày 22/01/2018 của Giám đốc Công ty P.Có mặt.

2. Bị đơn: **Công ty C.** Địa chỉ trụ sở: 86- 88 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức T, Chức vụ: Tổng Giám Đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ C, Chức vụ: Phó Tổng giám đốc theo giấy ủy quyền số: 01/GUQ- CTN ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Tổng giám đốc Công ty C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty P trình bày:

Công ty P đã ký kết hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp số: 20/2004/HĐXL- Cty với hạng mục hệ thống giao thông thoát nước Công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Thọ Quang 2, QUẬN SƠN TRÀ, thành phố Đà Nẵng với Công ty X nay là Công ty C. Theo hợp đồng giá trị hạng mục công trình là 2.688.712.558đồng. Do vướng giải tỏa mặt bằng nên Công ty X và Công ty P thống nhất chấm dứt hợp đồng, xin không tiếp tục thi công phần khối lượng còn lại của hạng mục giao thông thoát nước thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thọ Quang 2. Công ty P chuyển cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 532 thi công trong đó có sự đồng ý của Công ty X. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty P đã chuyển cho Công ty X tổng cộng số tiền 1.565.000.000đồng. Tuy nhiên theo Quyết định số: 556/ QĐ- STC ngày 06 tháng 7 năm 2016 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng đã duyệt với giá trị quyết toán hoàn thành hạng mục giao thông thoát nước Công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Thọ Quang 2 của Công ty C là 1.499.013.000đồng. Như vậy, Công ty P đã thanh toán vượt cho Công ty C là 65.987.000 đồng từ nguồn vốn ngân sách thành phố Đà Nẵng. Công ty P đã gửi Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số: 556/QĐ- STC ngày 06 tháng 7 năm 2016 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng cho Công ty C biết về việc thanh toán thừa chi phí xây lắp cho Công ty C với số tiền 65.987.000đồng. Công ty P đã nhiều lần gửi văn bản đến Công ty C yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã thanh toán vượt là 65.987.000đồng nhưng Công ty C không thực hiện, không có ý kiến phản hồi và cố tình chiếm giữ số tiền ngân sách thành phố Đà Nẵng.

Nay Công ty P yêu cầu Công ty C hoàn trả số tiền 65.987.000đồng (Sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) vào ngân sách thành phố Đà Nẵng để cho Công ty P thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 532 và các đơn vị khác trong kế hoạch vốn bố trí năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Công ty P đã nộp cho Tòa án và có trách nhiệm sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ cho bị đơn Công ty C tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đầy đủ.

* Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty C trình bày:

Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 20/2004/HĐXL- Cty ngày 08 tháng 9 năm 2004 được ký kết giữa Công ty P với Công ty X nay là Công ty C với giá trị hợp đồng 2.688.712.558 đồng để thi công xây lắp công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Thọ Quang 2, hạng mục giao thông thoát nước. Sau khi ký kết hợp đồng Công ty X đã làm được một số hạng mục như trong hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Tuy nhiên do vướng phải giải tỏa mặt bằng nên Công ty X thống nhất chấm dứt hợp đồng xin không tiếp tục thi công phần khối lượng còn lại của hạng mục giao thông thoát nước thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thọ Quang 2 và được Công ty P đồng ý và chuyển cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 532 thi công. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty C đề nghị quyết toán với giá trị là 1.586.183.000đồng đã được chủ đầu tư xác nhận đề nghị quyết toán. Tuy nhiên căn cứ vào Quyết định số: 556/ QĐ- STC ngày 06 tháng 7 năm 2016 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng phê duyệt giá trị quyết toán là 1.499.013.000đồng. Sau khi xem xét các chứng cứ liên quan đến việc quyết toán công trình của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng do Công ty P cung cấp thì Công ty C thống nhất không có ý kiến gì.

Nay Công ty P yêu cầu Công ty C phải hoàn trả lại số tiền 65.987.000 đồng đã thanh toán thừa cho Công ty thì ông có ý kiến như sau: về số tiền yêu cầu Công ty C hoàn trả 65.987.000 đồng thì ông thống nhất là đúng, không có ý kiến gì. Tuy

nhiên số tiền nói trên là số tiền đã đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp Công ty X trước cổ phần hóa. Vì vậy, hiện nay Công ty C không có nguồn để thanh toán khoản nợ này.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Công ty C đã được nguyên đơn Công ty P sao gửi đầy đủ, thống nhất và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN SƠN TRÀ, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 290, khoản 1 Điều 599 của Bộ luật dân sự 2005, Điều 10 Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P đối với Công ty C.

Đề nghị HĐXX buộc Công ty C phải hoàn trả cho Công ty P số tiền 65.987.000 đồng(Sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý Tòa án nhân dân Quận Sơn Trà xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp Hợp đồng về giao nhận thầu xây lắp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay xét thấy hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp được ký kết giữa hai bên từ nguồn vốn ngân sách của thành phố Đà Nẵng, vì mục đích lợi ích công cộng, một bên ký kết hợp đồng không có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp. Địa điểm thực hiện hợp đồng là thi công hệ thống giao thông, thoát nước tại QUẬN SƠN

TRÀ , Tp Đà Nẵng. Do vụ án có tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN SƠN TRÀ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Ngày 08/9/2004, Công ty P đã ký kết hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp số: 20/2004/HĐXL- Cty với hạng mục hệ thống giao thông thoát nước Công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Thọ Quang 2, QUẬN SƠN TRÀ, thành phố Đà Nẵng với Công ty X(nay là Công ty C theo Quyết định số: 1529/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về phê duyệt phương án chuyển Công ty X thành Công ty cổ phần). Theo hợp đồng giá trị hợp đồng xây lắp căn cứ theo đơn giá trúng thầu được phê duyệt là 2.688.712.558đồng. Do vướng giải tỏa mặt bằng nên Công ty X và Công ty P thống nhất chấm dứt hợp đồng, xin không tiếp tục thi công phần khối lượng còn lại của hạng mục giao thông thoát nước thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thọ Quang 2. Công ty P chuyển cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 532 thi công trong đó có sự đồng ý của Công ty X. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty P đã chuyển cho Công ty X tổng cộng số tiền 1.565.000.000đồng. Tuy nhiên theo Quyết định số: 556/ QĐ- STC ngày 06 tháng 7 năm 2016 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng đã duyệt với giá trị quyết toán hoàn thành hạng mục giao thông thoát nước Công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Thọ Quang 2 của Công ty C là 1.499.013.000đồng. Như vậy, Công ty P đã thanh toán vượt cho Công ty C là 65.987.000 đồng từ nguồn vốn ngân sách thành phố Đà Nẵng. Công ty P đã gửi Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số: 556/QĐ- STC ngày 06 tháng 7 năm 2016 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng cho Công ty C biết về việc thanh toán thừa chi phí xây lắp cho Công ty C với số tiền 65.987.000đồng. Công ty P đã nhiều lần gửi văn bản đến Công ty C yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã thanh toán

vượt là 65.987.000đồng nhưng Công ty C không thực hiện, không có ý kiến phản hồi và cố tình chiếm giữ số tiền ngân sách thành phố Đà Nẵng.

[3] Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Công ty P yêu cầu Công ty C hoàn trả số tiền 65.987.000đồng (Sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) vào ngân sách thành phố Đà Nẵng để cho Công ty P thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 532 và các đơn vị khác trong kế hoạch vốn bố trí năm 2017. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty C cũng thống nhất với quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 556 ngày 06/7/2016 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng, không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên số tiền nói trên là số tiền đã đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp Công ty X trước cổ phần hóa. Vì vậy, hiện nay Công ty C không có nguồn để thanh toán khoản nợ này.

[4] Việc nguyên đơn Công ty Công ty P khởi kiện Công ty C phải có trách nhiệm trả cho Công ty Công ty P số tiền 65.987.000đồng, HĐXX thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của bị đơn thì thấy: Trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng, về phía nguyên đơn Công ty P đã thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng cụ thể đã chuyển cho Công ty X tổng cộng số tiền 1.565.000.000đồng. Tuy nhiên theo Quyết định số: 556/ QĐ- STC ngày 06 tháng 7 năm 2016 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng đã duyệt với giá trị quyết toán hoàn thành hạng mục giao thông thoát nước Công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Thọ Quang 2 của Công ty X là 1.499.013.000đồng. Tại quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã phê duyệt phương án chuyển Công ty X thành Công ty C. Tại Điều 10 của Nghị định 109/2007/ ND- CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định nguyên tắc kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thì Công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất, kinh doanh; kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ,

trách nhiệm của doanh nghiệp cổ phần hóa đã bàn giao và có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Như vậy, Công ty C có nghĩa vụ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty X khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần. Công ty P đã thanh toán vượt cho Công ty X số tiền 65.987.000 đồng thì Công ty C phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 65.987.000 đồng cho Công ty P, HĐXX thấy yêu cầu của bị đơn đưa ra là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: 3.299.000 đồng bị đơn Công ty C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Nguyên đơn Công ty P không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân QUẬN SƠN TRÀ, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 107, Điều 108 của Luật về xây dựng năm 2003;

Căn cứ Điều 290, Điều 599 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 10 của Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P đối với bị đơn Công ty C

Tuyên xử:

Buộc Công ty C phải trả cho Công ty P số tiền 65.987.000đồng (Sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: 3.299.000đồng (Ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng) bị đơn Công ty C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND QUẬN SƠN TRÀ;
- Chi cục THADS QUẬN SƠN TRÀ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thy Tuyết

